TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2021/DS-ST
Ngày 07-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Hoàng Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXX - ST ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Trụ sở: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quang D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C phòng giao dịch huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị Trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 3E29 (nay là thôn E29), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đăng L – Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 3E29 (nay là thôn E29), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2020, lời khai của ông Huỳnh Quang D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 26-10-2011, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L có vay vốn tại Ngân hàng C (gọi tắt là Ngân hàng C) phòng giao dịch Đ, tỉnh Đăk Nông số tiền 36.500.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo khế ước số: 6000006400054886 (Khế ước là Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ, số khế ước là Mã món vay trên sổ). Thời hạn vay là 96 tháng, mục đích vay để chi phí học tập cho học sinh – sinh viên. Lãi suất 0,65%/năm, lãi quá hạn là 130% lãi vay. Lịch trả nợ gốc là 07 kỳ (06 tháng 01 kỳ) vào ngày 18 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 18-9-2016. Ngày trả nợ cuối cùng là 18-9-2019, cụ thể: Từ kỳ 1 đến kỳ 4 mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng, từ kỳ 5 đến kỳ 7 mỗi kỳ trả 5.500.000 đồng.

Ngày 18-11-2013, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng C số tiền 16.500.000đ (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo khế ước số: 6600000700089762. Thời hạn vay là 77 tháng, mục đích vay để chi phí học tập cho học sinh – sinh viên. Lãi suất 0,65%/năm, lãi quá hạn là 130% lãi vay. Lịch trả nợ gốc là 04 kỳ (06 tháng 01 kỳ) vào ngày 18 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 18-9-2018. Ngày trả nợ cuối cùng là 18-3-2020, cụ thể mỗi kỳ trả 4.120.000 đồng.

Ngoài 02 khế ước trên thì bà Nguyễn Thị N ông Nguyễn Đăng L còn vay của Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đồng theo 01 khế ước khác. Tuy nhiên, số tiền này khi đến hạn bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L không trả cho ngân hàng nên năm 2018 ngân hàng đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Đăk Nông xét xử.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng theo 02 khế ước còn lại, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L cũng đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong các Khế ước nhận nợ, cụ thể: Tính đến ngày 30-4-2020 bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L vẫn còn nợ của Ngân hàng C tổng số tiền là 73.598.468 đồng, trong đó nợ gốc là 53.000.000 đồng (nợ gốc này của 01 khế ước vay 36.500.000đ và 01 khế ước vay 16.500.000đ), nợ lãi là 20.598.468 đồng (lãi suất của 02 khoản vay theo 02 khế ước).

Do đó, Ngân hàng C khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như trên và lãi suất phát sinh kể từ sau ngày 30-4-2020 đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 30-8-2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền nợ gốc là 16.500.000đ (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo khế ước số: 6600000700089762, ngày 18-11-2013 và tiền nợ lãi phát sinh của khoản nợ này; chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền nợ gốc 36.500.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật (theo khế ước số: 6000006400054886 ngày 26-10-2011).

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà chỉ thừa nhận bà và ông Nguyễn Đăng L có vay và nợ Ngân hàng C tổng số tiền là 62.000.000 đồng theo 03 khế ước nhận nợ

vay tiền và một phần lãi suất phát sinh từ số tiền nợ gốc này, còn lại theo khế ước số: 6600000700089762 ngày 18-11-2013 thỏa thuận là ông bà vay số tiền 16.500.000 đồng nhưng thực tế ông bà không được vay số tiền 11.000.000 đồng của các đợt giải ngân ngày 18-11-2013 và 18-10-2014 theo khế ước này. Sau khi vay tiền thì ông bà đã trả lãi đầy đủ, đúng hạn từ năm 2011 đến ngày 18-12-2014 cho ngân hàng đối với các khế ước số: 6000006400054886 và số: 6000006400054887 ngày 26-10-2011 thông qua 16 biên lai thu tiền lãi của ngân hàng. Đầu năm 2015, ông Trần Xuân T đưa biên lai thu tiền lãi tới thì bà phát hiện ngân hàng ghi thêm số tiền 11.000.000 đồng nên bà không đồng ý đóng tiền lãi, ông Trần Xuân T có gọi điện thoại cho Ngân hàng rồi nói lại với ông bà lã sẽ tạm ngưng giao dịch với ông bà và ông Trần Xuân T không thu tiền lãi của ông bà nữa. Đến cuối năm 2015 thì ông Trần Xuân T tiếp tục đưa biên lai thu tiền lãi đến và nói là sẽ giao dịch lại với ông bà và đề nghị ông bà đóng tiền lãi thì bà đã đóng cho ông Trần Xuân T số tiền 2.000.000 đồng bằng biên lai thu tiền lãi số 17.

Ngày 18-10-2015, bà Nguyễn Thị N đến Ủy ban nhân dân xã Đ để đóng tiền nợ đến hạn của sinh viên Nguyễn Thị H nhưng cán bộ ngân hàng yêu cầu bà đóng tiền lãi của cả số tiền 11.000.000 đồng mà ông bà không được vay, bà không chấp nhận đóng nên cán bộ ngân hàng không thu tiền đến hạn mà bà đóng và bảo để giải quyết sau.

Ngày 04-12-2015, ngân hàng yêu cầu bà đến Ủy ban nhân dân xã Đ để làm việc (có biên bản làm việc kèm theo), tại đây bà vẫn khẳng định là bà không được vay các khoản tiền giải ngân theo các ngày 18-11-2013 và 18-10-2014.

Tháng 3 năm 2016, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 73.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó Ngân hàng tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh của khoản vay cho sinh viên Nguyễn Thị H, yêu cầu khởi kiện này được Tòa án 02 cấp tỉnh Đăk Nông chấp nhận.

Nay Ngân hàng tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 53.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh, bà không đồng ý vì thực tế trong khế ước nhận nợ (Sổ vay vốn) của ông bà không có khoản vay 53.000.000 đồng như Ngân hàng yêu cầu mà bà chỉ được vay tất cả là 62.000.000 đồng và đã được Tòa án buộc trả số tiền 20.000.000 đồng. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng L thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị N và không bổ sung ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 36.500.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất (theo khế ước số: 6000006400054886 ngày 26-10-2011) tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07-9-2021 là 18.709.654 đồng; trong đó: Lãi trong hạn là 16.890.190 đồng, lãi quá hạn là 1.819.455 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Đăng L bà Nguyễn Thị N tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ sau ngày 07-9-2021 đến khi kế thúc việc trả nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên

đơn chấp hành tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và công khai chứng cứ. Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 55.209.645 đồng, trong đó, nợ gốc là 36.500.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và 18.709.645 đồng; bao gồm: Lãi trong hạn là 16.890.190 đồng, lãi quá hạn là 1.819.455 đồng tiền lãi tính đến ngày 07-9-2021. Đồng thời buộc ông Nguyễn Đăng L bà Nguyễn Thị N tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ sau ngày 07-9-2021 đến khi kế thúc việc trả nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L trả số tiền nợ gốc là 16.500.000đ (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo khế ước số: 6600000700089762, ngày 18-11-2013 và tiền nợ lãi phát sinh của khoản nợ này.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Hồ sơ do đại diện nguyên đơn cung cấp gồm: Hồ sơ vay vốn; giấy ủy quyền tham gia tố tụng; bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn.

Hồ sơ do bị đơn cung cấp: Sổ vay vốn, các biên lai thu tiền lãi, biên bản làm việc ngày 04-12-2015, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L trả số tiền gốc đã vay là 36.500.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 6000006400054886 ngày 26-10-2011, nên tranh chấp này được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại thôn E29, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng số: 6000006400054886 ngày 26-10-2011, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 18-9-2016, ngày trả nợ cuối cùng là 18-9-2019; tuy nhiên từ sau khi vay đến nay bà Nguyễn Thị N chưa trả đợt nợ gốc nào cho Ngân hàng, giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị N không có thỏa thuận về việc chuyển nợ thành nợ xấu nếu vi phạm lần trả nợ đầu tiền nên kết thúc kỳ trả nợ sau cùng mà bà Nguyễn Thị N không trả Ngân hàng mới có quyền chuyển nợ xấu và tiến hành khởi kiện; vì vậy, ngày 11-6-2020 Ngân hàng C khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Ngày 26-10-2011, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L có vay vốn tại Ngân hàng C, thông qua hợp đồng tín dụng số: 6000006400054886 ngày 26-10-2011 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị N (ông Nguyễn Đăng L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N đứng tên vay), số tiền vay là 36.500.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn*

đồng) mục đích vay là để hỗ trợ đầu tư học sinh, sinh viên; thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất là 10.7%/năm, phương thức trả nợ là trả gốc 11 kỳ (từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 10 mỗi kỳ là 12 tháng) vào ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25-5-2018. Ngày trả nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay, cụ thể: Kỳ 1 trả 25.000.000đ, từ kỳ 2 đến kỳ 10 mỗi kỳ trả 55.000.000đ, kỳ 11 trả 30.000.000đ. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng C với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L là hợp pháp. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L số tiền 36.500.000đ, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 BLDS *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Do đó, dẫn đến việc toàn bộ khoản nợ của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L bị ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng C buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L trả số tiền gốc còn nợ là 36.500.000đ là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[3.3]. Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng C với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức Tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.709.645 đồng; bao gồm: Lãi trong hạn là 16.890.190 đồng, lãi quá hạn là 1.819.455 đồng. Đồng thời buộc ông Nguyễn Đăng L bà Nguyễn Thị N tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ sau ngày 07-9-2021 đến khi kết thúc việc trả nợ.

[3.4]. Xét đề nghị của bà Nguyễn Thị N về việc đề nghị Tòa án tạm dừng việc giải quyết vụ án để Ngân hàng giải quyết dứt điểm số tiền 11.000.000đ mà bà cho rằng bà không được vay, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền này, giữa bà Nguyễn Thị N và Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với nhau nhưng không đi đến thống nhất được, việc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông bà trả nợ khi thời hiệu khởi kiện vẫn còn; quá trình giải quyết vụ án Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp để đánh giá toàn diện nội dung giải quyết vụ án, phải đảm bảo việc giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, do vậy lý do bà Nguyễn Thị N đưa ra để yêu cầu Tòa án tạm dừng giải quyết vụ án là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[3.5]. Xét quan điểm của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L cho rằng ông bà không được vay số tiền 11.000.000đ (là các khoản vay của các ngày 18-11-2013 và 18-10-2014 (vay hỗ trợ sinh viên L), nên đề nghị Tòa án trừ đi số tiền 11.000.000đ trong tổng số 53.000.000đ nợ gốc mà Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả; Hội đồng xét xử xét thấy, do Ngân hàng C đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 16.500.000đ (vay hỗ trợ sinh viên L), trong đó có số tiền 11.000.000đ

mà ông bà yêu cầu nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Đăng L bà Nguyễn Thị N.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 92; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 55.209.645 đồng, trong đó, nợ gốc là 36.500.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và nợ lãi là 18.709.645 đồng; bao gồm: Lãi trong hạn là 16.890.190 đồng, lãi quá hạn là 1.819.455 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số: 6000006400054886 ngày 26-10-2011), tiền lãi tính đến ngày 07-9-2021.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L trả số tiền nợ gốc là 16.500.000đ (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo khế ước số: 6600000700089762, ngày 18-11-2013 và tiền nợ lãi phát sinh của khoản nợ này.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-9-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đăng L phải nộp 2.760.000đ (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Song;*
- *Chi cục THADS huyện Đắk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mã Thị Kỳ